

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học cho các trường MN Hoa
Cúc; trường TH-THCS Nguyễn Du; trường PTDTBT THCS Trần Quốc
Toản; trường TH Phan Chu Trinh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính
về việc Quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt
động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân
dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ
chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề
nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ
sở;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/07/2009 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;
Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:
ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1;*

*Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-SDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2020 của Sở
Giáo dục và đào tạo tỉnh Gia Lai: Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử
dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị thuộc ngành giáo dục và
đào tạo tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND
huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 16/8/2020 của UBND huyện
về việc xử lý chuyển nguồn từ ngân sách năm 2019 sang năm 2020 để tiếp tục sử
dụng (đợt 1);*

Xét Tờ trình số 72/TTr-PGDĐT ngày 07/7/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và Báo cáo thẩm định số 139/BC-TCKH ngày 21/7/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học cho các trường MN Hoa Cúc; trường TH-THCS Nguyễn Du; trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản; trường TH Phan Chu Trinh, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch được duyệt, tuân thủ quy định của Pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Giám đốc Kho bạc nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định 2445/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

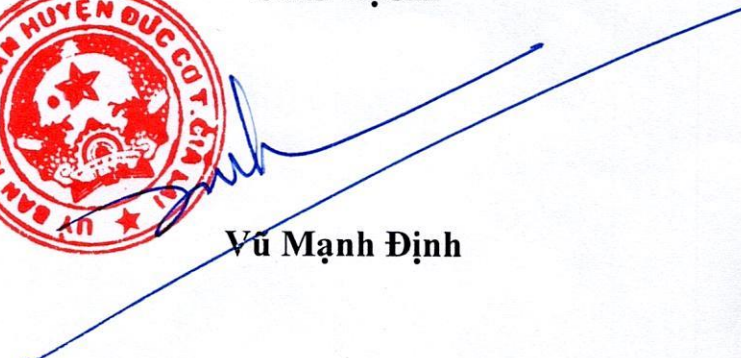
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Vũ Mạnh Định



Phụ lục Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học cho các trường MN Hoa Cúc; trường TH-THCS Nguyễn Du; trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản; trường TH Phan Chu Trinh
(Kèm theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện)

Gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu (nghìn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Gói 01	Mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học cho các trường MN Hoa Cúc; trường TH-THCS Nguyễn Du; trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản; trường TH Phan Chu Trinh	531.970	Tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2020.	Chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước, qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá	30 ngày
Gói 02	Tư vấn lập HSYC và đánh giá HSĐX	5.000		Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trọn gói	30 ngày
Tổng giá gói thầu		536.970						



**Dự toán kinh phí mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học cho các trường Mầm non Hoa Cúc,
Trường TH-THCS Nguyễn Du, Trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toàn và TH Phan Chu Trinh**
(Kèm theo Quyết định số 1219 /QĐ-UBND ngày 31 /7/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	CHI PHÍ MUA SẮM THIẾT BỊ					531.970.000
A	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ HỌC TẬP MN HOA CÚC					98.498.000
1	Giá phơi khăn	Giá phơi khăn chữ A, vật liệu bằng Inox 201, phần khung và chân bằng ống phi 16, dày 0,5mm, giàn phơi khăn gồm 11 nan ống 09,5 dày 0,5mm. Có thể phơi được tối thiểu 35 khăn không chồng lên nhau. Đảm bảo chắc chắn, an toàn, KT: D1000xR400xC1000mm	Cái	4	650.000	2.600.000
2	Cốc uống nước	Cốc Inox, vật liệu bằng Inox đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, có quay cảm đường kính khoảng 70mm	Cái	150	35.000	5.250.000
3	Tủ (giá) đựng ca cốc	Giá úp cốc 05 tầng, vật liệu bằng Inox, phần khung đầu hồi bằng Inox sus 201 và g ống phi 19, dày 0,5mm, khung ngang ống phi 16 độ dày 0,5mm. Đáy cách mặt đất 150mm, gồm 5 tầng có thể úp được 45 ca cốc. Đảm bảo chắc chắn an toàn vệ sinh. KT: D900xR400xC1000mm	Cái	4	909.000	3.636.000
4	Tủ đựng chăn, màn chiếu	- KT: DXRXC (1200x400x900)mm; - Khung làm bằng sắt hộp vuông 16mm được liên kết bằng các mối hàn chắc chắn, sơn tĩnh điện; - Mặt trên, dưới, hai bên hông và mặt hậu làm bằng ván MDF dày 6mm; - Tầng giữa làm bằng ván MDF dày 15mm; hai cánh làm bằng MDF dày 17mm - Tủ có hai cánh cửa mở, khoang trong có bố trí phù hợp để chăn, màn, chiếu, gối. - Tủ được sơn màu phù hợp với lớp học sinh và thân thiện với trẻ; Toàn bộ phần ván được sơn lớp chống thấm, chống mốc.	Cái	4	2.663.000	10.652.000

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		- Hàng gia công; Sau khi phun lót xong mặt ngoài của ván được phun thêm một lớp sơn màu Oseven; - Chân sản phẩm được gắn các nút nhựa để tránh gây tiếng động và chống trầy xước nền nhà khi di chuyển. - Xuất xứ: Việt nam.				
5	Giá để giày dép	- Giá để giày dép Inox Khung giá được làm bằng vật liệu inox, ống Φ19 độ dày 0.5mm, và ống Φ9.5 độ dày 0.5mm. - Giá gồm 5 tầng, Để được tối thiểu 35 đôi giày, dép không chồng lên nhau. Đảm bảo chắc chắn an toàn. KT: D1000 X R400 X C900mm.	Cái	4	1.218.000	4.872.000
6	Công chui	Công chui Vật liệu bằng sắt φ16, uốn kiểu chữ u, kích thước 500x500 (mm). Chân đế rộng 200 (mm), được bọc cao su đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	8	161.000	1.288.000
7	Cột ném bóng	Cột ném bóng Vật liệu bằng thép sơn tĩnh điện có chân đế chắc chắn ban« nhựa hình tròn, rộng 0400mm, chiều cao thay đổi từ 600mm đến 1000mm, đường kính vòng ném 400mm. Có 2 tác dụng ném bóng đứng và ném bóng ngang, kèm theo lưới.	Cái	4	750.000	3.000.000
8	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	- KT: DXRXC (2200x350x1000)mm; - Khung làm bằng sắt hộp vuông 16mm được liên kết bằng các mối hàn chắc chắn, sơn tĩnh điện. Mặt trên, dưới, hông và mặt hậu làm bằng ván MDF dày 6mm. Các vách ngăn làm bằng ván MDF 9 mm; các cánh cửa tủ làm bằng làm bằng ván MDF 17mm.	Cái	8	5.250.000	42.000.000
		- Tủ được phân thành 18 ô, có các cánh cửa mở thuận tiện cho việc để đồ dùng tư trang của trẻ. Kích thước mỗi ô (350x350x300)mm.				

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		- Toàn bộ phần ván được sơn lót chống thấm, chống mốc. Sau khi phun lót xong mặt ngoài của ván được phun thêm một lớp sơn màu oseven. - Chân sản phẩm được gắn các nút nhựa để tránh gây tiếng động và chống trầy xước nền nhà khi di chuyển. - Hàng gia công. - Xuất xứ: Việt nam.				
9	Thang leo	Thang leo dao động bậc nhựa	Cái	6	4.200.000	25.200.000
B	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ HỌC TẬP TH&THCS NGUYỄN DU					84.857.000
1	Bản đồ hành chính Việt Nam		Tờ	1	42.000	42.000
2	Tập bản đồ địa lý 8		Bộ	1	13.000	13.000
3	Tập bản đồ Địa lý 9		Bộ	1	14.000	14.000
4	Bảng phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm		Cái	20	93.000	1.860.000
5	Bộ đồ mô động vật		Bộ	1	290.000	290.000
6	Kính lúp có giá đỡ (sinh 7)		Cái	1	200.000	200.000
7	Kính hiển vi		Cái	1	6.325.000	6.325.000
8	Bộ dụng cụ thực hành thí nghiệm Hóa 9 (GV+HS), không cân		Bộ	1	18.673.000	18.673.000
9	Tranh bảng hệ tuần hoàn các nguyên tố hóa học (bằng simili)		Tờ	1	308.000	308.000
10	CaC2 (đất đèn) 500gr		Chai	1	867.000	867.000
11	Natri kim loại 250gr		Chai	1	1.200.000	1.200.000
12	Giấy quỳ tím		Hộp	1	93.000	93.000
13	Giấy phenolphtalein		Hộp	1	77.000	77.000
14	Com pa nhôm		Cái	2	52.000	104.000
15	Danh mục Lý 9 (quang A)		Bộ	1	2.230.000	2.230.000
16	Danh mục Lý 9 (quang B)		Bộ	1	3.953.000	3.953.000
17	Bộ đồ dùng điện học 7		Bộ	1	2.100.000	2.100.000

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
18	Bộ đồ dùng âm học 7		Bộ	1	1.560.000	1.560.000
19	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV)		Bộ	1	2.910.000	2.910.000
20	Bộ quang học 7		Bộ	1	1.560.000	1.560.000
21	Bộ tứ giác các loại lớp 8		Bộ	1	265.000	265.000
22	Thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều cao ngoài trời		Bộ	1	3.488.000	3.488.000
23	Bộ hình không gian (Lớp 8)		Bộ	1	650.000	650.000
24	Bộ triển khai các hình (Lớp 8)		Bộ	1	870.000	870.000
25	Bộ MH về thể tích hình nón (Lớp 9)		Bộ	1	589.000	589.000
26	Bộ dạy Toán lớp 2		Bộ	1	1.313.000	1.313.000
27	Tranh nhựa tiếng việt lớp 2 (trọn bộ)		Bộ	1	4.553.000	4.553.000
28	Tranh Tự nhiên XH 2-tranh nhựa		Bộ	1	1.213.000	1.213.000
29	Tranh Đạo Đức 2 -tranh nhựa		Bộ	1	465.000	465.000
30	Bộ dạy Toán lớp 3		Bộ	1	697.000	697.000
31	Tranh nhựa tiếng việt lớp 3 (trọn bộ)		Bộ	1	4.332.000	4.332.000
32	Tranh TNXH L3 (52tr)-tranh nhựa		Bộ	1	1.980.000	1.980.000
33	Tranh Đạo Đức L3 - tranh nhựa		Bộ	1	383.000	383.000
34	Tranh Thủ Công L3 -tranh nhựa		Bộ	1	1.250.000	1.250.000
35	Bộ hình học nhựa Toán 4 (GV)		Bộ	1	467.000	467.000
36	Tranh Tiếng Việt L4 - tranh nhựa		Bộ	1	2.978.000	2.978.000
37	Tranh Khoa học L4 - tranh nhựa		Bộ	1	2.045.000	2.045.000
38	Tranh lịch sử - địa lý 4 - tranh nhựa		Bộ	1	1.058.000	1.058.000
39	Tranh Đạo đức 4 (17tr) - nhựa		Bộ	1	325.000	325.000
40	Bộ dạy Toán lớp 5		Bộ	1	1.374.000	1.374.000
41	Tranh Tiếng Việt L5 -tranh nhựa		Bộ	1	2.735.000	2.735.000
42	Tranh Lịch Sử L5 -tranh nhựa		Bộ	1	438.000	438.000
43	Tranh Địa lý 5 - tranh nhựa		Bộ	1	838.000	838.000
44	Tranh Đạo Đức L5 -tranh nhựa		Bộ	1	268.000	268.000
45	Kèn phím (Hàn Quốc) môn âm nhạc		cái	4	1.476.000	5.904.000

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
C	THIẾT BỊ BÀN GHẾ NGHỈ NGƠI HỌC SINH VÀ CSVC NHÀ HIỆU BỘ TH&THCS NGUYỄN DU					170.770.000
I	Bàn ghế nghỉ ngơi học sinh					87.600.000
1	Bộ bàn nghỉ trưa học sinh bán trú	- KT : W1200 x D803 x H610mm - Bàn liền ghế - Mặt bàn có thể mở rộng gấp đôi làm nơi nghỉ trưa cho các bé	Bộ	60	1.460.000	87.600.000
II	Cơ sở vật chất Nhà hiệu bộ					83.170.000
1	Bộ bàn ghế phòng họp hội đồng		Bộ	1	53.600.000	53.600.000
	Bàn hội đồng 2 chỗ ngồi: 20 cái	- Kích thước : W1.200 x D500 x H7.500 (mm)				
		- Gỗ cao su ghép.				
	Ghế hội đồng: 40 cái	- Kích thước : W440 x D515 x H850 (mm)				
		- Ghế gấp, đệm tựa bọc PVC chân sơn.				
2	Bàn, ghế làm việc BGH		Cái	3	4.260.000	12.780.000
	* Bàn làm việc:	- Kích thước : W1600 x D800 x H750 (mm) - Bàn làm việc gỗ công nghiệp có hộc treo.				
	* Ghế làm việc:	- Kích thước: W620 x D610 x H1155÷1280 (mm). - Ghế lưng cao đệm tựa liền khối bọc da CN, chân tay bằng nhựa, tay ghế có ốp bọc da CN.				
3	Bức tượng Bác	- Kích thước: (500x400x1300)mm.	Cái	1	2.000.000	2.000.000
		- Làm bằng ván ghép phủ vớ nia dày 17 ly.				
		- Toàn bộ phần ván được sơn lót chống thấm, chống mốc.				
		- Sau khi phun lót xong mặt ngoài của ván được phun thêm một lớp màu, PU.				
4	Phông màn hội trường	- Chất liệu bằng vải nhung màu xanh, đỏ, khung Inox	m2	48	195.000	9.360.000
		- Kích thước: 8000 x 6000 (mm)				

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Khẩu hiệu "Cộng hòa XHCNVN"	- KT : H400mm x W5000mm - Khung sắt viền nhôm, nền bạt, chữ mica.	Tấm	1	5.430.000	5.430.000
D		THIẾT BỊ BÀN GHẾ NGHỈ NGƠI HỌC SINH, BÀN GHẾ GIÁO VIÊN TH PHAN CHU TRINH				92.850.000
1	Bàn ghế Giáo viên	- Kích thước bàn : W1200 x D600 x H750 (mm) - Kích thước ghế : W410 x D470 x H830 (mm) - Bàn sử dụng khung ống thép được sơn tĩnh điện, mặt bàn hình chữ nhật sử dụng gỗ Melamine, bên dưới mặt bàn có đợt gỗ làm ngăn. - Ghế ngồi được thiết kế kiểu ghế tĩnh, sử dụng đệm và tựa lưng bằng gỗ Melamine.	Bộ	3	1.750.000	5.250.000
2	Bộ bàn nghỉ trưa học sinh bán trú	- KT : W1200 x D803 x H610mm - Bàn liền ghế - Mặt bàn có thể mở rộng gấp đôi làm nơi nghỉ trưa cho các bé	Bộ	60	1.460.000	87.600.000
E		THIẾT BỊ BÊN TRONG NHÀ BẾP, NHÀ ĂN BT THCS TRẦN QUỐC TOẢN				84.995.000
1		Bàn ghế nhà ăn Bàn ăn Inox 1,2m: 12 cái Ghế ngồi loại nhựa Duy Tân: 120 cái	Bộ	1	28.200.000	28.200.000
2	Bàn chế biến thực phẩm sống chữ nhật (bàn Inox loại 1,6m)	- Đường kính: 1,2m - Chất liệu: Inox tốt - Xuất xứ : Việt Nam - Kích thước: (35 x 35 x 45) cm - Chất liệu: Nhựa chính phẩm - Xuất xứ : Việt Nam.	Cái	2	1.500.000	3.000.000

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Bàn chữ nhật chia thức ăn loại Inox 1,2m	- Kích thước: 1,2m	Cái	2	1.500.000	3.000.000
		- Chất liệu: Inox 304				
		- Xuất xứ : Việt Nam				
4	Tủ lạnh Funiki FR-132CL	- Hiệu: Funiki.	Cái	1	5.000.000	5.000.000
		- Model: FR-132CL.				
		- Tủ lạnh ngăn đá trên. Dung tích 130 lít. Công nghệ bảo quản thực phẩm: Làm lạnh đa chiều. Công nghệ kháng khuẩn, khử mùi: Hybrid plasma				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
5	Bếp ga đôi	- Hiệu: Faber.	Cái	1	5.000.000	5.000.000
		- Model: FB - 206GS-T.				
		- Xuất xứ: Trung Quốc.				
6	Bếp kho	- Hiệu: Blues tar	Cái	2	500.000	1.000.000
		- Model: Beautiful				
		- Xuất xứ: Chính hãng BLUESTAR, Lắp ráp Việt Nam				
7	Bình ga lớn	- Hiệu: Namgas	Cái	2	500.000	1.000.000
		- Trọng lượng: 12 Kg				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
8	Tủ để bát đĩa	- Kích thước: ngang 800 x sâu 450 x cao 1500 mm	Cái	2	1.800.000	3.600.000
		- Chất liệu: Inox 304				
		- Xuất xứ : Việt Nam				
9	Máy xay thịt	- Hiệu: Bluestone	Cái	1	1.100.000	1.100.000
		- Model: CHB-5136				
		- Xuất xứ: Trung Quốc.				
10	Cân thực phẩm	- Hiệu: Nhơn Hòa	Cái	1	250.000	250.000
		- Model: NHS-20				
		- Xuất xứ: Việt Nam				

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
11	Nồi cơm điện lớn	- Hiệu: Kim Cương	Cái	2	2.300.000	4.600.000
		- Model: KC-10L - NCKC-10L				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
12	Xoong lớn	- Thể tích: 60 lít	Cái	5	250.000	1.250.000
		- Xuất xứ: Việt Nam				
13	Xoong trung	- Thể tích: 40 lít	Cái	5	220.000	1.100.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
14	Xoong nhỏ	- Thể tích: 30 lít	Cái	5	150.000	750.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
15	Xô Inox	- Đường kính: 18cm	Cái	5	120.000	600.000
		- Chất liệu: Inox 201				
		- Xuất xứ : Việt Nam				
16	Chảo lớn	- Thể tích: 40 lít	Cái	2	250.000	500.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
17	Rổ các loại	- Chất liệu: Nhựa Duy tân	Cái	15	50.000	750.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
18	Xoong gang	- Thể tích: 10 lít	Cái	5	155.000	775.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
19	Chảo chống dính	- Hiệu: Sunhouse.	Cái	5	200.000	1.000.000
		- Model: CT20.				
		- Đường kính: 20 cm.				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
20	Tủ đựng khay Inox loại lớn	- Kích thước: 120 cm x 35 cm. x 100 cm	Cái	1	2.200.000	2.200.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
		- Chất liệu: nhựa Duy Tân				

TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
21	Sọt đựng khay, chén	- Kích thước: 40cm	Cái	3	150.000	450.000
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
22	Dao	- Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	5	90.000	450.000
23	Giá để xoong, nồi	- Chất liệu: Inox	Cái	2	3.000.000	6.000.000
		- Kích thước: 650 x 90 cm				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
24	Vá múc cơm lớn	- Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	5	20.000	100.000
25	Giá đựng bình nước	- Chất liệu: Inox	Cái	1	500.000	500.000
		- Kích thước: 60 x 27cm				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
26	Thớt	- Kích thước: 29 x 20 x 1.5cm	Cái	2	110.000	220.000
		- Chất liệu: Gỗ cày.				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
27	Khay thức ăn	- Kích thước: cm	Cái	120	105.000	12.600.000
		- Chất liệu: Inox.				
		- Xuất xứ: Việt Nam.				
II	Chi phí thẩm định giá					4.500.000
III	Chi phí đăng báo đấu thầu					200.000
IV	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá HSĐX					5.000.000
Tổng cộng						541.670.000
(Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng y./.)						